TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Hùng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 293/2018/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, thành phố C.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày: Chị với anh V chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân bất đồng ý kiến trong cuộc sống không hòa giải được anh V thường kiếm chuyện chửi mắng xúc phạm chị và gia đình chị. Mặc dù chị cố gắng nhẫn nhiện để hàn gắng vợ chồng nhưng càng ngày càng trầm trọng hơn, do không chịu được tính tình của anh V nên đến tháng đầu năm 2015 chị đã dẫn con chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 12/6/2012. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V; Về con chung, giao cháu Q cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q do chị T không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Tóm lại về cơ bản vụ án giải quyết đảm bảo quy định của tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh V theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Chị T xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay chị T xác định mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V. Nhưng anh V là chồng mà không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly hôn của chị T.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Thẩm có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T, anh V có một con chung tên Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2012, hiện do chị T nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T thấy rằng: Cháu Q do chị Thẩm nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, qua xác minh ông Nguyễn Hoàng Th là trưởng ấp nơi anh Vinh cư trú thì cháu Q sống chung với chị T từ lúc ly thân cho đến nay và xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu Q, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng.

[4] Xét, chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu Q nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh V không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q, do chị Thẩm không yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15671 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T. Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

4. Chị Thẩm, anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T
- VKSND huyện C;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức